

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/DS-ST
Ngày: 23 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Thắng.

Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-DS, ngày 02 tháng 05 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2024/QĐXXST-DS ngày 27/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Loan A**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 618/17 đường Quang T, phường C, quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Loan A: Bà Lục Thanh N, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số 02, đường Lý T, phường Vĩnh H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Bùi Tấn H**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lục Thanh N trình bày:**

Do bị đơn ông Nguyễn Bùi Tấn H cần tiền để hùn cổ đông vào Công ty của ông Bùi Phước T. Khi đó, giữa ông H với nguyên đơn bà Trần Thị Loan A không quen biết nhau nên ông T đứng ra giới thiệu để ông H vay tiền bà Lục Thanh N. Do bà N không có tiền nên đứng ra hỏi bà Loan A để cho ông H vay. Đến ngày 12/6/2023 nguyên đơn bà Trần Thị Loan A đồng ý cho ông Nguyễn Bùi Tấn H vay số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 60 ngày. Khi vay ông H có giao cho bà Loan A tạm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 54, diện tích 474m², đất tọa lạc: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Bùi Tấn H và vợ là bà Lê Thị P đứng tên. Ông H đứng ra thỏa thuận vay và ký biên nhận nợ với bà Loan A. Sau khi thỏa thuận xong thì ông H yêu cầu bà Loan A chuyển số tiền vay vào tài khoản của ông T. Tuy nhiên, đã quá thời hạn vay nhưng phía ông H không có trả vốn cũng như trả lãi cho bà Loan A. Bà Loan A đã nhiều lần nhắc nhở nhưng đến nay ông H vẫn chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Loan A.

Nay nguyên đơn bà Trần Thị Loan A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Bùi Tấn H phải trả cho bà Trần Thị Loan A số tiền vay nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo với mức lãi suất quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày trả nợ.

*** Bị đơn ông Nguyễn Bùi Tấn H trình bày:**

Trước đây do cần vốn để hùn làm ăn với ông Bùi Phước T, tại tỉnh Kiên Giang nên ông T có giới thiệu bà Loan A để cho ông vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông vay số tiền này mục đích là để hùn vốn vào công ty của ông T. Biên nhận bà Loan A cung cấp cho Tòa án là do ông viết và ký tên. Khi vay ông có đưa cho bà Loan A một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 953724 do ông và vợ là bà Lê Thị P đứng tên. Khi đó bà Loan A chuyển khoản cho ông T chứ không có chuyển khoản cho ông. Khi bà Loan A chuyển khoản cho ông T thì ông T không sử dụng cho công ty mà sử dụng việc cá nhân ông T, hiện nay ông T còn nợ ông số tiền hơn 02 tỷ đồng. Sau khi vay ông có chuyển khoản cho ông T số tiền 200.000.000 đồng để trả tiền lãi cho bà Loan A.

Nay ông cũng đồng ý trả số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà Loan A nhưng phải yêu cầu ông T xác nhận khoản nợ này với ông, còn không thì ông T có trách nhiệm trả cho bà Loan A.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày:** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Loan A thì bà không đồng ý do bà không có vay, khi vay thì chồng bà cũng không có nói với bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay gốc còn nợ 1.500.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận vào ngày 12/6/2023 DL có vay của nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày. Hiện bị đơn vẫn chưa trả số tiền nợ 1.500.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo bị đơn vay nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng là để hùn vốn làm ăn với ông Bùi Phước T. Nay bị đơn cũng đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 1.500.000.000 đồng nhưng yêu cầu ông T phải xác nhận khoản nợ này với bị đơn. Trường hợp ông T không đồng ý xác nhận nợ thì buộc ông T trả số tiền này cho nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn thừa nhận có vay và hiện nợ nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng, hiện đã quá thời hạn mà các bên thỏa thuận cho vay, nhưng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn. Do đó, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ 1.500.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Đối với bị đơn yêu cầu ông T có trách nhiệm đối với số nợ của nguyên đơn hoặc trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, từ khi thụ lý đến trước khi Tòa án tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, đối với yêu cầu của bị đơn HĐXX không đặt ra xem xét. Trường hợp, sau này giữa bị đơn với ông T không thỏa thuận được mà có yêu cầu thì sẽ khởi kiện và giải quyết thành vụ án khác.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi từ ngày vay cho đến ngày bị đơn trả nợ, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì mặc dù trong biên nhận ngày 12/6/2023 DL không có ghi nhận về lãi suất nhưng thực tế các bên có thỏa lãi suất là 3%/tháng. Theo bị đơn khi vay các bên không có thỏa thuận lãi suất. Xét thấy, mặc dù trong biên nhận ngày 12/6/2023 DL không thể hiện có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có đưa cho ông T số tiền 200.000.000 đồng để đóng lãi cho nguyên đơn. Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định hợp đồng vay giữa các bên là có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Do đó, đối với việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự "*Lãi trên nợ gốc theo lãi*

suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Đối với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, tiền lãi được tính cụ thể như sau: Thời hạn vay 60 ngày tiền lãi được tính: (từ ngày 12/6/2023 đến ngày 12/8/2023) là 02 tháng x 1,66% x 1.500.000.000 đồng = 49.800.000 đồng. Từ ngày 13/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/12/2024) là 01 năm 04 tháng 10 ngày x 1.500.000.000 đồng x 8,3% = 203.350.000 đồng. Tổng vốn và lãi buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.753.150.000 đồng.

[4] Đối với việc bị đơn cho rằng có đưa cho ông Bùi Phước T số tiền 200.000.000 đồng để trả tiền lãi cho nguyên đơn. Tại phiên tòa ông T không thừa nhận việc bị đơn có đưa ông số tiền 200.000.000 đồng để đóng lãi cho nguyên đơn. Đồng thời, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định từ khi vay đến nay bị đơn vẫn chưa đóng lãi. Ngoài ra, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh là đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, đối với lời trình bày của bị đơn về việc đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng là không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này bị đơn chứng minh được có giao cho ông Bùi Phước T số tiền 200.000.000 đồng để đóng lãi thì sẽ thỏa thuận với ông T. Trường hợp không thỏa thuận được mà có yêu cầu thì sẽ khởi kiện và giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo các quy định khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 188 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Loan A.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Bùi Tấn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Loan A số tiền vay còn nợ là 1.753.150.000 đồng (*một tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*). Trong đó, tiền vốn gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 253.150.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bị đơn ông Nguyễn Bùi Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.594.500 đồng (*sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng*).

+ Nguyên đơn bà Trần Thị Loan A không phải chịu án phí. Hoàn trả cho các nguyên đơn bà Trần Thị Loan A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.500.000 đồng (*hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002615, ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn